

Số: 15/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung giữa người yêu cầu:

- Ông Lê Văn T, sinh năm: 1976. Số CCCD: 049076017588

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, thành phố Đ.

- Bà Võ Thị H, sinh năm: 1979. Số CCCD: 042179010485

Địa chỉ: Ấp T, xã A, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Lê Văn T và bà Võ Thị H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2011 ngày 26/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã Đại Hoà, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (Nay là Ủy ban nhân dân xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng).

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 21/7/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/8/2025: Về hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Võ Thị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về thỏa thuận nuôi con: Ông Lê Văn T và bà Võ Thị H có 02 con chung tên Lê Võ Nhật D, sinh ngày 03/8/2011 và Lê Võ Nhật A, sinh ngày 28/7/2020; ông T và bà H thỏa thuận thống nhất giao 02 con cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi mỗi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Võ Nhật D số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu Lê Võ Nhật A số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu A trưởng thành, đủ 18 tuổi; thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2025. Về tài sản chung: Không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Lê Văn T và bà Võ Thị H thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc nuôi con chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Võ Thị H cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về thỏa thuận nuôi con: Giao 02 con chung tên Lê Võ Nhật D, sinh ngày 03/8/2011 và Lê Võ Nhật A, sinh ngày 28/7/2020 cho bà Võ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi mỗi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Võ Nhật D số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu Lê Võ Nhật A số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu A trưởng thành, đủ 18 tuổi; thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Lê Văn T có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

[2] Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn T và bà Võ Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000922 lập ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Thống và bà Hương đã nộp đủ.

[3] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[4]. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
 - Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
 - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng;
 - Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
 - UBND xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng
- (Theo GCNKH số 14 cấp ngày 26/11/2010);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ALăng Ping

